TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG XƯƠNG** **TỈNH THANH HÓA** Bản án số: 48/2023/HS-ST Ngày 16-8-2023	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG TỈNH THANH HÓA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Sỹ Thắng
2. Bà Nguyễn Thị Hương

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Minh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 45/2023/TLST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2023, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2023/QĐXXST-HS ngày 12/07/2023, Quyết định hoãn phiên toà số /2023/QĐ-HPT ngày 27/7/2023 đối với bị cáo:

Đào V T – Sinh năm 1993

HKTT: TB, xã QN, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá. Nơi ở hiện tại: Thôn Tiên Phong, xã Tiên Trang, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ V hoá: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Đào V Lới và bà Trần Thị Lừa. Có vợ là Trần Thị Tươi. Có 01 con sinh năm 2022.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2019 bị Công an TP Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích, chấp hành xong ngày 19/7/2019.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/3/2023 đến ngày 05/4/2023 được thay thế biện pháp nhăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Hà Thị C, sinh năm 1975, nơi cư trú: TB, xã QN, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

2. Chị Đặng Thị V, sinh năm 1985, nơi cư trú: TB, xã QN, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

3. Chị Hoàng Thị M, sinh năm 1972, nơi cư trú: TB, xã QN, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

4. Chị Trần Thị H, sinh năm 1967, nơi cư trú: TB, xã QN, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

5. Anh Lê Đình V, sinh năm 2003, nơi cư trú: TĐ, xã QN, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

6. Chị Phạm Thị Q, sinh năm 2001, nơi cư trú: Thôn T, xã QN, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ động cơ vụ lợi, trong khoảng thời gian từ tháng 5/2021 đến tháng 3/2023, Đào V T đã sử dụng tiền của cá nhân cho người dân trên địa bàn huyện Quảng Xương vay với lãi suất từ 3.333đồng/1 triệu/1 ngày đến 8.667 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương với mức lãi suất từ 121,6%/1năm đến 304,1%/1 năm. Mỗi khi có khách vay tiền, T sẽ kiểm tra thông tin của khách vay như: Tên, tuổi, địa chỉ, điều kiện gia đình, hoàn cảnh kinh tế... Tùy theo điều kiện gia đình và hoàn cảnh kinh tế của khách vay mà T sẽ đưa ra hình thức vay và mức lãi suất, nếu khách đồng ý vay thì T sẽ đưa tiền cho khách. Khi đưa tiền cho khách vay, T sẽ cắt trước tiền lãi của tháng đầu tiên, đến các tháng tiếp theo khách vay sẽ phải trả tiền lãi hàng tháng cho T theo như đã thỏa thuận cho đến khi nào khách trả hết tiền gốc. Sau đó, T lưu thông tin khách vay, ngày vay, số tiền vay vào quyển sổ viết tay bìa màu xanh của T để theo dõi ngày lấy lãi. Đến ngày 30/3/2023, nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, Đào V T đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Xương đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra xác định:

Từ tháng 11 năm 2021 đến tháng 3 năm 2023, Đào V T đã sử dụng số tiền 75.500.000 đồng của cá nhân cho 06 khách vay lấy lãi với mức lãi suất đều vượt

quá 05 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Cụ thể như sau:

1. Đào V T cho chị Phạm Thị Q (sinh năm 2001 ở thôn T, xã QN, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá) vay 02 lần cụ thể:

- Ngày 21/11/2021 chị Q vay của T số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) không ấn định ngày trả với lãi suất 8.333đ/1triệu/1 ngày, tương đương 304,167%/1 năm, số tiền lãi hàng tháng chị Q phải trả là 5.000.000đ. Khi vay T cắt trước 5.000.000đ tiền lãi tháng đầu tiên và đưa cho Q 15.000.000 đồng. Đến ngày 21/4/2022, chị Q đã trả cho T 20.000.000đ tiền gốc. Tổng cộng chị Q đã trả cho T 05 tháng lãi với số tiền 25.000.000đ và tiền phạt nộp chậm 2.200.000 đồng; trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự trong vòng 05 tháng cho khoản vay là 1.643.836đ. Đào V T đã thu lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 23.356.164 đồng và 2.200.000 đồng tiền phạt nộp chậm. Tổng tiền thu lời bất chính là 25.556.164 đồng.

Ngày 10/5/2022 chị Q vay của T số tiền 10.500.000đ ấn định thời gian trả lãi là 30 ngày, trả góp mỗi ngày 350.000 đồng tiền gốc, với lãi suất 7.937đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 289,683%/1 năm, số tiền lãi tháng chị Q phải trả là 2.500.000đ. Khi vay T cắt trước 2.500.000đ tiền lãi và đưa cho chị Q 8.000.000 đồng. Đến ngày 10/6/2022 chị Q đã trả cho T 10.500.000 đồng tiền gốc và trả đủ lãi theo thỏa thuận, trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự trong 01 tháng của khoản vay là 172.603 đồng; Đào V T đã thu lời bất chính số tiền 2.327.397 đồng của chị Phạm Thị Q.

Tổng số tiền Đào V T đã thu lời bất chính của chị Phạm Thị Q trong 2 lần vay là 27.883.561 đồng.

2. Ngày 25/6/2022 Đào V T cho anh Lê Đình V (sinh năm 2003 ở TĐ, xã QN, huyện Quảng Xương) vay 5.000.000đ không ấn định ngày trả với lãi suất 8.667đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 316,333%/1 năm, số tiền lãi hàng tháng anh V phải trả là 1.300.000đ. Khi vay T cắt trước 1.300.000đ tiền lãi tháng đầu tiên tháng đầu tiên, T đưa cho anh V 3.700.000 đồng. Tính đến ngày 30/3/2023 anh V mới trả cho T 1.300.000 đồng tiền lãi, chưa trả tiền gốc. Như vậy, tổng số tiền lãi nhằm thu theo thoả thuận trong vòng 10 tháng 05 ngày là 13.053.336đ; trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự trong vòng 10 tháng 05 ngày cho khoản vay là 825.290 đồng. Số tiền T nhằm thu lời bất chính của anh V trong 10 tháng 5 ngày là 12.228.046 đồng.

3. Ngày 06/4/2022 Đào V T cho chị Trần Thị H (sinh năm 1967 ở TB, xã QN, huyện Quảng Xương) vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, lãi suất 8.333đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 304,167%/1 năm, số tiền lãi chị H phải trả là 2.500.000đ. Khi vay T cắt trước 2.500.000đ tiền lãi, T đưa cho chị H 7.500.000 đồng. Đến ngày 21/5/2022, chị H đã trả đủ lãi 1 tháng cho T và 10.000.000đ tiền gốc. Trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự trong 01 tháng của khoản vay là 164.384 đồng. Đào V T đã thu lời bất chính số tiền 2.335.616 đồng của chị Trần Thị H.

4. Ngày 14/6/2022 Đào V T cho chị Hoàng Thị M (sinh năm 1972 ở TB, xã QN, huyện Quảng Xương) vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, lãi suất 3.333đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 121,667%/1 năm, số tiền lãi chị M phải trả là 1.000.000đ. Khi vay T cắt trước tiền lãi, T đưa cho chị M 9.000.000 đồng. Đến ngày 14/7/2022, chị M đã trả cho T tiền lãi 30 ngày và 10.000.000 đồng tiền gốc; Trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự trong 01 tháng của khoản vay là 164.384 đồng. Đào V T đã thu lời bất chính số tiền 835.616 đồng của chị Hoàng Thị M.

5. Ngày 29/12/2022 Đào V T cho chị Đặng Thị V (sinh năm 1985 ở TB, xã QN, huyện Quảng Xương) vay số tiền 10.000.000đ, không ấn định ngày trả với lãi suất 8.333đ/1triệu/1ngày, tương đương 304,167%/1 năm, số tiền lãi hàng tháng chị V phải trả là 2.500.000đ. Khi vay T cắt trước 2.500.000đ tiền lãi tháng đầu tiên, T đưa cho chị V 7.500.000 đồng. Ngày 04/2/2022 chị V trả thêm cho T 1 tháng lãi 2.500.000 đồng, do nộp lãi chậm nên T thu thêm của chị V 600.000 đồng tiền phạt. Ngày 06/2/20223 chị vẫn trả 10.000.000 đồng tiền gốc và không phải đóng thêm lãi. Chị V đã trả đủ cho T 02 tháng lãi với số tiền 5.000.000đ và tiền gốc 10.000.000 đồng. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự trong vòng 02 tháng của khoản vay là 328.767đ; Đào V T đã thu lãi vượt quá là 4.671.233 đồng của chị V và 600.000 đồng tiền phạt trả lãi chậm. Tổng số tiền Đào V T thu lời bất chính của chị V là 5.271.233 đồng.

6. Đào V T cho chị Hà Thị C (sinh năm 1975 ở TB, xã QN, huyện Quảng Xương), cụ thể:

- Ngày 18/12/2021 chị C vay của T số tiền 10.000.000đ không ấn định ngày trả với lãi suất 8.333đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 304,167%/1 năm, số tiền lãi hàng tháng chị C phải trả là 2.500.000đ. Khi vay T cắt trước 2.500.000đ tiền lãi tháng đầu tiên và đưa cho chị C 7.500.000 đồng. tính đến ngày 18/2/2022 chị C đã trả cho T 03 tháng lãi với số tiền 7.500.000đ, chưa trả tiền gốc; trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự

trong vòng 03 tháng của khoản vay là 493.151đ. Đào V T đã thu lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 7.006.849 đồng.

- Trong ngày 18/02/2022 chị C vay thêm của T 5.000.000 đồng, không ấn định ngày trả với lãi suất 8.333đ/1triệu/1 ngày, tương đương 304,176%/1 năm, số tiền lãi hàng tháng chị C phải trả là 1.250.000đ, khi vay T cắt trước tiền lãi tháng đầu tiên và đưa cho chị C 3.750.000 đồng, T và chị C thống nhất tổng số tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng, lãi suất 8.333đ/1 triệu/1 ngày, hàng tháng chị C phải trả cho T số tiền lãi là 3.750.000 đồng cho đến khi hết nợ gốc. Tính đến ngày 18/6/2022 tổng số tiền lãi chị C phải trả cho T theo thỏa thuận là 18.750.000 đồng, thực tế chị C mới trả cho T 8.750.000 đồng, còn nợ T 10.000.000đ tiền lãi. Do thấy chị C gặp khó khăn nên T cho chị C 5.000.000đ và chỉ thu của chị C 5.000.000đ tiền lãi, tuy nhiên do chưa có tiền nên chị C chưa trả cho T số tiền lãi này.

Tổng số tiền lãi chị C phải trả cho T theo thoả thuận đối với khoản vay này là 13.750.000 đồng, trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự trong vòng 05 tháng của khoản vay là 1.232.877 đồng; số tiền T nhằm thu lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 12.517.123 đồng.

- Đối với 5.000.000 đồng tiền lãi chị C còn nợ, T với chị C thống nhất chuyển số tiền này thành tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng, với lãi suất là 8.333đ/1triệu/1ngày tương đương 304,167%/năm. Hàng tháng chị C phải trả cho T số tiền lãi là 5.000.000 đồng cho đến khi trả hết tiền nợ gốc. Đến ngày 18/7/2022, chị C trả trước cho T 15.000.000đ tiền gốc và còn nợ lại 5.000.000đ tiền gốc. Lúc này T thống nhất với chị C đối với số tiền lãi của khoản vay là 5.000.000đ, T cho chị C 4.000.000đ và chỉ thu thêm của chị C 1.000.000đ tiền lãi. Do chị C chưa có tiền nên T đồng ý cho chị C nợ lại số tiền 6.000.000đ (trong đó bao gồm 5.000.000đ nợ gốc và 1.000.000đ tiền lãi) và không thu thêm khoản tiền lãi nào khác. Đến ngày 27/3/2023, chị C đã trả đủ cho T 6.000.000đ. Số tiền lãi chị C phải trả cho T theo thoả thuận đối với khoản vay này là 1.000.000đ. Trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự của 01 tháng đối với khoản vay này là 328.767 đồng; số tiền T thu lời bất chính là 671.233 đồng.

Tổng số tiền Đào V T đã thu lời bất chính của chị Hà Thị C cho 3 khoản vay là 20.195.205 đồng.

Ngoài hành vi cho anh Lê Đình V, chị Đặng Thị V, Hoàng Thị M, Trần Thị H, chị Trần Thị Q và Hà Thị C vay tiền, quá trình điều tra Đào V T khai nhận còn cho một số người khác trên địa bàn huyện Quảng Xương vay tiền để lấy lãi. Tuy nhiên do thời gian T cho những người này vay đã lâu, các khách vay này đều đã trả hết tiền gốc, tiền lãi; T không còn lưu giữ các giấy vay tiền của những người này nên không nhớ được những người khách vay tiền này là ai, ở đâu, không có thông tin xác định những người khác vay tiền của T. Đồng thời bản thân T không nhớ được số tiền, mức lãi suất và số tiền lãi thu được của những người khách này nên không có căn cứ để xử lý đối với T về hành vi này.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 11/2021 đến tháng 3/2023, Đào V T đã sử dụng số tiền 75.500.000 đồng cho 06 khách vay gồm: chị Phạm Thị Q, anh Lê Đình V, chị Đặng Thị V, chị Hoàng Thị M, chị Trần Thị H, chị Hà Thị C với lãi suất từ 121,667%/1 năm đến 304,167%/1 năm. Mức lãi suất trên đã vượt quá từ 6 lần đến 15 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự, trong đó:

Tổng số tiền lãi theo thoả thuận và số tiền thu bất hợp pháp mà Đào V T sẽ thu được của 06 người vay kể từ ngày vay cho đến ngày 30/3/2023 (thời điểm phát hiện tội phạm) là 74.266.675 đồng. Thực tế T đã thu của 06 khách vay là 57.350.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 5.364.385 đồng. Số tiền lãi vượt quá quy định mà Đào V T đã và sẽ thu được là 66.102.290 đồng.

Ngoài việc thu tiền lãi của khách, khi cho chị Q, chị V vay tiền, Đào V T đã thu thêm số tiền phạt chậm trả là 2.800.000 đồng mục đích để hưởng lợi cá nhân, đây là khoản thu bất hợp pháp. Như vậy, tổng số tiền T thu lời bất chính là 68.902.290 đồng.

Bản Cáo trạng số 29/Ctr-VKSQX ngày 06/04/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương truy tố bị cáo Trương Ngọc Lường về tội "cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 điều 201 Bộ luật hình sự. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 201; Điều 35; điểm i,s khoản 1 Điều 5; Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo 70.000.000đ đến 75.000.000đ và đề nghị về các biện pháp tư pháp như sau:

- *Đối với các khoản nợ gốc:*

Đối với tổng số tiền 80.500.000 đồng là tiền những người vay đã trả cho T với mỗi khoản vay. Trong đó khoản vay 20.000.000 đồng tiền gốc của chị C, bao gồm tiền vốn cho vay ban đầu 10.000.000 đồng và 10.000.000 đồng có được do T chuyển lãi thành tiền gốc để thu của chị C; Khoản vay 10.000.000 đồng của chị M, xác định là tiền vay từ nguồn tiền cho vay quay vòng của T. Vì vậy cần xác định số tiền gốc là tiền T sử dụng để cho những người vay và đã thu được của chị Phạm Thị Q 30.500.000 đồng, chị Trần Thị H 10.000.000 đồng, chị Đặng Thị V 10.000.000 đồng, chị Hà Thị C 10.000.000 đồng là tiền thu được từ các khoản cho vay độc lập, tổng là 60.500.000 đồng, đây tiền T sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu của T để sung công quỹ Nhà nước.

- *Tiền lãi thu được tương ứng với mức lãi suất BLDS quy định:* Đối với số tiền 5.364.385 đồng là tiền lãi thu được tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự, tuy không bị tính xác định trách nhiệm hình sự nhưng là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần truy thu để sung công quỹ Nhà nước.

- *Đối với số tiền thu lời bất chính mà Đào V T đã thu của người vay, gồm:* Phạm Thị Q là 27.883.561 đồng; Lê Đình V 1.300.000 đồng; chị Trần Thị H: 2.335.616 đồng; chị Hoàng Thị M 835.616 đồng; Đặng Thị V 5.271.233 đồng; Chị Hà Thị C 15.196.205 đồng. Quá trình điều tra xác định anh Lê Đình V, chị Đặng Thị V, Hoàng Thị M, Trần Thị H, chị Trần Thị Q và chị Hà Thị C đều sử dụng tiền vay vào mục đích cá nhân hợp pháp, do vậy, cần buộc T phải trả lại số tiền trên cho những người vay. Tuy nhiên Anh Lê Đình V, chị Đặng Thị V, Hoàng Thị M, Trần Thị H không yêu cầu T phải trả lại số tiền trên; chị Trần Thị Q và Hà Thị C yêu cầu Đào V T phải trả lại số tiền trên cho 2 chị.

- Đối với số tiền nợ gốc mà anh Lê Đình V chưa trả hết cho Đào V T, là 5.000.000 đồng, đây là số tiền của T dùng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu của anh V số tiền nợ trên để sung công quỹ Nhà nước.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận: Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận;

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện

Quảng Xương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt. Quá trình điều tra đều đã có lời khai, nội dung vụ án đã được làm rõ nên việc xét xử vắng mặt những người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự là phù hợp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết quả tranh tụng tại phiên toà và các tài liệu chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án xác định:

Từ tháng 11/2021 đến tháng 3/2023, Đào V T đã sử dụng số tiền 60.500.000 của cá nhân cho anh anh Lê Đình V, chị Đặng Thị V, chị Hoàng Thị M, chị Trần Thị H, chị Trần Thị Q và chị Hà Thị C vay với lãi suất từ 121,667%/1 năm đến 304,167%/1 năm. Mức lãi suất trên đã vượt quá từ 6 lần đến 15 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự, thu lời bất chính với tổng số tiền là 68.902.290 đồng (Sáu mươi tám triệu chín trăm linh hai nghìn hai trăm chín mươi đồng).

Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định:

"1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay….".

Theo Điều 201 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

(.....)

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm".

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Đào V T phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*, tội danh và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương là hoàn toàn có căn cứ pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo là người đã trưởng thành, có sức khỏe, có khả năng lao động nhưng không chịu kiếm tiền chân chính mà lại lợi dụng khó khăn về tài chính của người khác để thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước mà còn xâm phạm đến quyền lợi của công dân được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương nên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tương ứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đầu thú, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i,s khoản 1,2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thân thân của bị cáo, cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiềnn tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Về các biện pháp tư pháp:

- Đối với các khoản nợ gốc: Toàn bộ số tiền nợ gốc là tiền bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu của bị cáo để sung công quỹ Nhà nước.

- Tiền lãi thu được tương ứng với mức lãi suất BLDS quy định: Đối với số tiền 5.364.385 đồng là tiền lãi thu được tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự, tuy không bị tính xác định trách nhiệm hình sự nhưng là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần truy thu của Trương Ngọc Lường để sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền thu lời bất chính mà bị cáo thu của người vay cần buộc bị cáo trả lại cho người vay.

- Đối với số tiền nợ gốc mà người vay chưa trả hết cho bị cáo thì cần buộc người vay phải nộp lại số tiền nợ trên để sung công quỹ Nhà nước.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ:**

Khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự; điểm i,s khoản 1,2 Điều 51; khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Điều 6; Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; Mục 1 phần I Danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị Quyết.

*** Tuyên bố:** Bị cáo Đào V T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự."

*** Xử phạt:** Bị cáo Đào V T 70.000.000đ đồng (bảy mươi triệu đồng).

*** Các biện pháp tư pháp:**

- Truy thu của bị cáo tổng số tiền: 65.864.385đ (Là số tiền gốc và lãi thu được tương ứng với mức lãi suất 20% theo quy định của BLDS) để sung vào quỹ nhà nước.

- Buộc bị cáo phải trả lại cho người vay số tiền mà bị cáo thu lời bất chính, cụ thể: Phạm Thị Q là 27.883.561 đồng; Lê Đình V 1.300.000 đồng; chị Trần Thị H 2.335.616 đồng; chị Hoàng Thị M 835.616 đồng; Đặng Thị V 5.271.233 đồng; Chị Hà Thị C 15.196.205 đồng.

- Buộc những người vay là Lê Đình V phải nộp số tiền nợ gốc chưa trả là 5.000.000đ để sung quỹ nhà nước.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể

từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án , tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Quảng Xương;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Trại tạm giam công an T.Thanh Hoá;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Quảng Xương;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Huyền